

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2021

V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thường

2. Ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Công B, sinh năm 1977.

Số điện thoại: 0911.508.789

- Bị đơn: Chị Trần Thị Phi H, sinh năm 1976

Số điện thoại: 0941.508.789

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn anh B có mặt. Bị đơn chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Trương Công B trình bày:

Anh với vợ là Trần Thị Phi H chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Cuộc sống

ban đầu hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình. Tuy nhiên vào cuối năm 2017 anh phát hiện vợ có một số biểu hiện lạ như đi làm đêm không về nhà nên anh nghi ngờ vợ có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 11/2019 anh đã quyết định về nhà cha mẹ ruột sống vì vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên ảnh hưởng đến con cái. Sau đó anh có gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng được hòa giải đoàn tụ nên anh đã rút đơn. Trong quá trình sống ly thân anh cũng có về nhà để chăm sóc con cái, vợ chồng cũng có nói chuyện với nhau và vợ cũng muốn hàn gắn nhưng anh không đồng ý. Vào tháng 02/2021, do con năn nỉ anh về nhà ăn tết cùng nên anh đã chiều theo ý con quay về và sống chung cho đến nay. Nhận thấy tình cảm hiện nay không còn, không muốn hàn gắn lại nên anh B yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công B xin được ly hôn với chị Trần Thị Phi H.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Yến P sinh ngày 16/11/2004 và Trương Yến N sinh ngày 01/02/2009. Sau ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 6.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Tại biên bản hòa giải ngày 13/01/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021, bị đơn chị Trần Thị Phi H trình bày:

Chị với anh Trương Công B chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến tháng 11/2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ đó thường hay cự cãi nhau. Tháng 11/2019 anh B bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Đến tháng 02/2021 vợ chồng hàn gắn và sống lại với nhau. Hiện nay vợ chồng vẫn đang sống chung, cuộc sống diễn ra bình thường nên chị cũng không hiểu vì sao anh B nhất quyết đòi ly hôn. Nay ý kiến của chị H như sau:

+ Về hôn nhân: Chị H không đồng ý ly hôn với anh Trương Công B vì nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, việc ly hôn sẽ làm ảnh hưởng tâm lý đến các con.

+ Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung như anh B trình bày. Nếu vợ chồng có ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, ban hành thông báo thụ lý, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tổng đạt cho các đương sự theo quy định tại điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Công B được ly hôn với bà Trần Thị Phi H.

Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Yến P sinh ngày 16/11/2004 và Trương Yến N sinh ngày 01/02/2009 cho bà Hà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con.

Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Án phí: ông Trương Công B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chị Trần Thị Phi H có đăng ký hộ khẩu

thường trú tại ấp P, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn chị Trần Thị Phi H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Anh Trương Công B và chị Trần Thị Phi H chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 10/12/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh B, thấy: Anh B và chị H thống nhất chung sống với nhau từ năm 2002, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh B, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ vợ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay không còn tình cảm nên anh B yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H hoàn toàn phủ nhận việc chị có quan hệ với người đàn ông khác, mọi việc là do anh B ghen tuông vô cớ dẫn đến nghi ngờ chị rồi vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống anh B cũng thường xuyên kiểm soát chị trong sinh hoạt cũng như trong công việc. Chị thừa nhận cũng chính từ việc này mà vợ chồng xảy ra thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cũng sống ly thân một thời gian nhưng từ đầu năm 2021 đã hàn gắn lại và hiện nay vẫn đang sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vẫn còn nên chị H không đồng ý ly hôn.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như từ gia đình anh B, chị H đều thể hiện vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn, chị H cũng không vi phạm nghĩa vụ của người vợ, hiện nay anh B và chị H vẫn sống chung nhà, sinh hoạt vợ chồng bình thường. Mặt khác, mâu thuẫn giữa anh B và chị H chỉ là sự nghi ngờ của cá nhân anh B là chị H có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh không chứng minh được sự nghi ngờ đó và ngoài ra anh B không chứng minh được vợ chồng có mâu thuẫn gì khác. Vì vậy tình cảm của vợ chồng của anh B và chị H chưa đến mức độ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Để tạo điều kiện cho vợ chồng anh B, chị H có thời gian

gắn kết, xây dựng lại gia đình, cùng nuôi dạy con chung và tạo điều kiện ổn định cho con ăn học, xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[2.3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh B nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Trương Công B xin ly hôn chị Trần Thị Phi H.

2. Về án phí: Anh Trương Công B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008019 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Anh Trương Công B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Phi H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND TT. P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm